

Bản án số: 08/2021/KDTM - ST

Ngày: 28/5/2021

V/v: tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hòa

- Bà Đào Phương Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST- KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2020, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-KDTM ngày 07/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH thiết bị hàng hải M

Người đại diện theo pháp luật: ông SIO HOCK CHUAN, sinh năm 1981 - chức vụ: Giám đốc

Trụ sở: 539 đường Lạc Long Quân, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: - Anh Phạm Xuân Dương, sinh năm 1975

- Chị Trần Thị Huyền Trang, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: P305, số 28 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần công nghệ J

Trụ sở: Phòng 1012, tầng 10, tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim Sơn, sinh năm 1963 - chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ: Phòng 1310, tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt chị Trang. Đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghệ J vắng mặt lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn - anh Phạm Xuân Dương và chị Trần Thị Huyền Trang trình bày: Công ty TNHH thiết bị hàng hải M và Công ty cổ phần công nghệ J đã ký Hợp đồng số 156-11/ML-2018 ngày 23/11/2018 với nội dung Công ty TNHH thiết bị hàng hải M đã bán cho Công ty cổ phần công nghệ J động cơ thủy gấn ngoài YAMAHA với tổng giá trị là 2.085.630.000 đồng (*Hai tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Công ty TNHH thiết bị hàng hải M đã giao đầy đủ hàng hóa cho Công ty cổ phần công nghệ J theo biên bản giao nhận hàng ngày 31/01/2019, ngày 18/02/2019, ngày 01/03/2019 và việc giao nhận hàng hóa đã được Công ty cổ phần công nghệ J thừa nhận theo công văn số 01/VP-JBT ngày 12/11/2020 và công văn số 02/VP-JBT ngày 18/01/2021.

Theo điều IV hợp đồng: “*Công ty cổ phần công nghệ J có nghĩa vụ thanh toán 100% bằng chuyển khoản ngay khi nhận được thông báo giao hàng*”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kế hoạch giao hàng là dựa trên sự thương lượng và đồng ý từ hai bên. Với tinh thần thiện chí và mong muốn hợp tác lâu dài, Công ty TNHH thiết bị hàng hải M đã hỗ trợ giao hàng cho Công ty cổ phần công nghệ J dù cho Công ty cổ phần công nghệ J chưa thanh toán trước khi nhận hàng. Công ty cổ phần công nghệ J cũng đã hứa thanh toán thành 2 lần: 1.000.000.000 đồng (một tỷ) thanh toán vào ngày 25/02/2019, số tiền còn lại thanh toán trước ngày 10/3/2019.

Công ty cổ phần công nghệ J đã thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ) cho Công ty TNHH thiết bị hàng hải M vào ngày 25/02/2019, và đến ngày 10/01/2021 sau khi Công ty TNHH thiết bị hàng hải M khởi kiện ra Tòa án thì Công ty cổ phần công nghệ J thanh toán thêm 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Do đó, Công ty TNHH thiết bị hàng hải M kính đề nghị Tòa án yêu cầu Công ty cổ phần công nghệ J thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH thiết bị hàng hải M các khoản tiền sau:

1. Số tiền nợ gốc:

$2.085.630.000 - 1.000.000.000 - 200.000.000 = 885.630.000$ đồng (*Tám trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*)

Trong đó:

- Tổng giá trị hợp đồng (*theo 2 hóa đơn số 178 và số 187*): 2.085.630.000 đồng

(Hóa đơn số 178 có giá trị là 1.042.815.000 đồng và Hóa đơn số 187 có giá trị là 1.042.815.000 đồng)

- Công ty cổ phần công nghệ J thanh toán ngày 25/02/2019: 1.000.000.000 đồng

- Công ty cổ phần công nghệ J thanh toán ngày 10/01/2021: 200.000.000 đồng

2. Số tiền phạt hợp đồng:

Theo Điều VI Hợp đồng về “Điều khoản xử phạt”: “Nếu bên B thanh toán chậm hơn thời gian quy định hợp đồng này, bên B sẽ bị phạt 0,1% tổng giá trị chưa thanh toán cho mỗi ngày chậm thanh toán. Nhưng không được quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán”.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/5/2020:

- Đối với hóa đơn số 178: “khoản phát sinh nợ 1.042.815.000 đồng” trừ đi “khoản phát sinh có 1.000.000.000 đồng”, còn lại nợ 42.815.000 đồng có ngày đến hạn thanh toán là 01/03/2019.

Do đó, số tiền phạt theo điều VI Hợp đồng là 0,1% trên số tiền 42.815.000 đồng trong 15 ngày (từ ngày 01/03/2019 đến ngày 16/03/2019) là:

$42.815.000 \text{ đồng} \times 0,1\% \times 15 \text{ ngày} = 642.225 \text{ đồng}$

- Đối với hóa đơn số 187: khoản phát sinh nợ 1.042.815.000 đồng, có ngày đến hạn thanh toán là 31/03/2019.

Do đó, số tiền phạt theo điều VI Hợp đồng là 0,1% trên số tiền 1.042.815.000 đồng trong 15 ngày (từ ngày 31/03/2019 đến ngày 15/04/2019) là:

$1.042.815.000 \text{ đồng} \times 0,1\% \times 15 \text{ ngày} = 15.642.225 \text{ đồng}$

- **Tổng số tiền phạt hợp đồng là: $642.225 + 15.642.225 = 16.284.450$ đồng** (Mười sáu triệu, hai trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm năm mươi đồng)

3. Số tiền lãi chậm trả

Theo Điều IV Hợp đồng: “Công ty cổ phần công nghệ J có nghĩa vụ thanh toán 100% bằng chuyển khoản ngay khi nhận được thông báo giao hàng”. Công ty TNHH thiết bị hàng hải M đã giao đầy đủ hàng hóa cho Công ty cổ phần công nghệ J theo 3 đợt: vào ngày 31/01/2019, ngày 18/02/2019 và ngày 01/03/2019 (Công ty cổ phần công nghệ J cũng đã thừa nhận việc giao nhận hàng). Tuy nhiên, Công ty TNHH thiết bị hàng hải M đã rất thiện chí chỉ tính ngày đến hạn thanh toán là 01/03/2019 đối với khoản nợ 42.815.000 đồng theo hóa đơn 178 và ngày đến hạn thanh toán là 31/03/2019 đối với khoản phát sinh nợ 1.042.815.000 đồng theo hóa đơn 187.

Công ty TNHH thiết bị hàng hải M chỉ yêu cầu tiền lãi tính từ 16/04/2019 sau khi hết thời gian tính phạt hợp đồng, cụ thể như sau:

- Số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 1.085.630.000 đồng từ ngày 16/04/2019 đến ngày 10/01/2021 (do Công ty cổ phần công nghệ J thanh toán 1.000.000.000 đồng vào ngày 25/02/2019);

- Số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 885.630.000 đồng từ ngày 11/01/2021 đến ngày 22/03/2021 (do Công ty cổ phần công nghệ J thanh toán thêm 200.000.000 đồng vào ngày 10/01/2021).

Lãi suất chậm trả:

- Theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015: “1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

- Lãi suất chậm trả tiền hàng: 10%/năm (theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015).

Do đó, tiền lãi chậm trả là:

- Số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 1.085.630.000 đồng từ ngày 16/04/2019 đến ngày 10/01/2021 là:

$1.085.630.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} : 365 \times 635 \text{ ngày} = 188.869.877 \text{ đồng}$. Số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 885.630.000 đồng từ ngày 11/01/2021 đến ngày 22/03/2021 là:

$885.630.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} : 365 \times 70 \text{ ngày} = 16.984.685 \text{ đồng}$ (làm tròn)

- Tổng số tiền lãi chậm trả:

$188.869.877 + 16.984.685 = 205.854.562 \text{ đồng}$ (Hai trăm lẻ năm triệu, tám trăm năm mươi tư nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng)

Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH thiết bị hàng hải M yêu cầu Công ty cổ phần công nghệ J thanh toán tạm tính đến ngày 22/3/2021 là:

1. Số tiền nợ gốc: 885.630.000 đồng
2. Số tiền phạt hợp đồng: 16.284.450 đồng
3. Số tiền lãi chậm trả: 205.854.562 đồng. Tổng cộng: $885.630.000 + 16.284.450 + 205.854.562 = 1.107.769.012 \text{ đồng}$ (Một tỷ, một trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm mười hai đồng)

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án: Công ty cổ phần công nghệ J không có mặt tại Tòa án, có lời khai gửi Tòa án như sau: Công ty cổ phần công nghệ J và công ty TNHH thiết bị hàng hải M có ký hợp đồng vào ngày 23/11/2018, thời gian giao hàng là đầu tháng 1.2019 tuy nhiên động cơ giao chậm so với hợp đồng đã ký kết cụ thể như biên bản bàn giao (giao lô 1 là ngày 30/01/2019, lô 2 là 18/02/2019, lô động cơ số 02 bị lỗi vỏ hộp máy nên đến tháng 3 công ty TNHH thiết bị hàng hải M mới xử lý xong và giao lại cho Công

ty cổ phần công nghệ J. Đến tháng 6/2019 công ty mới giao được sản phẩm, về việc này Công ty cổ phần công nghệ J cũng không có tính phí lãi do chậm giao hàng đối với công ty TNHH thiết bị hàng hải M. Công ty cổ phần công nghệ J sẽ trả khoản nợ 1.085.630.000 đồng cho công ty TNHH thiết bị hàng hải M trước ngày 10.01.2021. Ngày 10.01.2021 Công ty cổ phần công nghệ J đã trả cho công ty TNHH thiết bị hàng hải M 200.000.000 đồng. Công ty cổ phần công nghệ J đề nghị sẽ trả dần khoản nợ còn lại cho công ty TNHH thiết bị hàng hải M theo lộ trình chi tiết đã gửi cho công ty M.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - chị Trang đề nghị: rút yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phạt; thay đổi cách tính lãi đối với số tiền lãi chậm trả tính theo quy định điều 306 luật thương mại: lãi suất áp dụng theo quy định của 03 ngân hàng đó là ngân hàng hàng Hải 13,515%, lãi suất áp dụng đối với ngân hàng Sài Gòn Hà nội là 14,1%, lãi suất đối với ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam là 13,35% tính từ ngày 01.4.2019 đến 10.01.2021 với số tiền gốc 1.085.630.000 đồng; ngày 10.01.2021 bị đơn trả nguyên đơn 200.000.000 đồng, số tiền còn lại 885.630.000 đồng tính lãi từ ngày 11.01.2021 đến ngày xét xử 28.5.2021. Đề nghị bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền gốc là 885.630.000 đồng, lãi 310.649.350 đồng, tổng 1.196.279.350 đồng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa có quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật:

Phản thủ tục: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo được tính khách quan, và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vi phạm thời hạn xét xử. Đối với việc vắng mặt của bị đơn đã tổng đạt hợp lệ, vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Phản nội dung:

- Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi phạt của nguyên đơn.
- Chấp nhận đề nghị đối với số tiền gốc của nguyên đơn. Lãi chậm trả đối với số tiền gốc tính từ sau ngày 08.5.2020 theo lãi suất trung bình của 03 ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ngân hàng Công thương Việt Nam, ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Công ty TNHH thiết bị hàng hải M và công ty cổ phần công nghệ J có tranh chấp về hợp đồng mua bán nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

Về thẩm quyền: Hiện nay công ty cổ phần công nghệ J có trụ sở tại phòng 1012, tầng 10, tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội nên theo quy định tại điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Về thời hiệu: Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/5/2020 giữa hai công ty thì công ty cổ phần công nghệ J còn nợ công ty TNHH thiết bị hàng hải M là 1.085.630.000 đồng. Ngày 01/10/2020, công ty TNHH thiết bị hàng hải M đã nộp đơn khởi kiện công ty cổ phần công nghệ J nên theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thời hiệu giải quyết của vụ án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Xét về nội dung:

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp cho công ty TNHH thiết bị hàng hải M, công ty cổ phần công nghệ J và hợp đồng mua bán, nên Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm áp dụng khoản 1 điều 30 bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án kinh doanh thương mại.

- Xét hợp đồng mua bán số 156-11/ML-2018 được ký giữa người đại diện có thẩm quyền của công ty TNHH thiết bị hàng hải M và công ty cổ phần công nghệ J là những người đủ năng lực dân sự, mục đích hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội, việc ký hợp đồng là tự nguyện, quá trình thực hiện hợp đồng công ty cổ phần công nghệ J đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo biên bản đối chiếu công nợ mà hai bên đã ký kết nên công ty TNHH thiết bị hàng hải M khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần công nghệ J phải trả nợ tiền gốc là có căn cứ.

Công ty cổ phần công nghệ J khai có nợ công ty TNHH thiết bị hàng hải M 1.085.630.000 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/5/2020 và đã trả được 200.000.000 đồng vào ngày 10/01/2021, nên Công ty cổ phần công nghệ J phải trả cho nợ công ty TNHH thiết bị hàng hải M 885.630.000 đồng theo đề nghị của công ty TNHH thiết bị hàng hải M là có căn cứ, buộc Công ty cổ phần công nghệ J phải trả số nợ gốc 885.630.000 đồng cho công ty TNHH thiết bị hàng hải M.

- Đối với yêu cầu tính lãi phạt: Tại phiên tòa, công ty TNHH thiết bị hàng hải M đề nghị rút yêu cầu tính lãi phạt đối với công ty cổ phần công nghệ J: Xét đề nghị của công ty TNHH thiết bị hàng hải M là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả:

Theo hợp đồng mua bán số 156-11/ML-2018 được ký kết giữa hai công ty thì các bên không thỏa thuận về tiền lãi chậm trả nhưng theo biên bản đối chiếu công nợ giữa 02 công ty ngày 08/5/2020: công ty cổ phần công nghệ J còn nợ công ty TNHH thiết bị hàng hải M 1.085.630.000 đồng, sau 03 ngày làm việc

mà không nhận được phản hồi của công ty cổ phần công nghệ J thì công nợ trên coi như chấp nhận là đúng. Trong số tiền 1.085.630.000 đồng thì hai công ty thỏa thuận với nhau trả vào ngày ngày 01.3.2019 và ngày 31.3.2019. Công ty TNHH thiết bị hàng hải M đề nghị tính lãi số tiền trên từ ngày 01.4.2019 đối với công ty cổ phần công nghệ J là có căn cứ. Nên công ty cổ phần công nghệ J phải trả lãi chậm trả đối với số tiền 1.085.630.000 đồng từ ngày 01/04/2019 đến ngày 10/01/2021. Ngày 11/01/2021 công ty cổ phần công nghệ J trả công ty TNHH thiết bị hàng hải M 200.000.000 đồng nên lãi chậm trả tính từ ngày 12/01/2021 đến ngày 28/5/2021.

Theo quy định tại điều 306 Luật thương mại thì công ty cổ phần công nghệ J phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nộp bảng tính lãi của 03 ngân hàng đó là lãi suất áp dụng đối với ngân hàng Hàng Hải là 13,515%, lãi suất áp dụng đối với ngân hàng Sài Gòn Hà Nội là 14,1%, lãi suất đối với ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam là 13,35%. Theo quy định tại điều 306 Luật thương mại và điều 11 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trong vụ án này các bên không có thỏa thuận khác nên theo hướng dẫn tại nghị quyết nêu trên thì đề nghị tính lãi chậm trả theo 03 ngân hàng mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không được chấp nhận.

Lãi suất cho vay thời hạn 12 tháng tại thời điểm xét xử của ngân hàng nông nghiệp là 8,5%/năm, của ngân hàng công thương là 9,5%/năm, của ngân hàng ngoại thương là 7%/năm.

Lãi suất trung bình của 3 ngân hàng 8,3%/năm. Lãi phạt chậm trả trung bình của 03 ngân hàng là $8,3\% \times 150\% = 12,5\%/năm$, $1,04\%/tháng$, $0,034\%/ngày$.

* Số tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ 1.085.630.000 đồng từ ngày 01/04/2019 đến ngày 10/01/2021 là: 21 tháng 10 ngày

$$1.085.630.000 \text{ đồng} \times 21 \text{ tháng} \times 1,04\%/tháng = 237.101.592 \text{ đồng}$$

$$1.085.630.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ ngày} \times 0,034\%/ngày = 3.691.142 \text{ đồng}$$

* Ngày 10.01.2021 bị đơn trả nguyên đơn 200.000.000 đồng, ngày 11.01.2021 nguyên đơn nhận được số tiền trên, nên lãi chậm trả tính từ ngày 12.01.2021 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 885.630.000 đồng là 04 tháng 16 ngày

- Lãi suất cho vay thời hạn 4 tháng tại thời điểm xét xử của ngân hàng nông nghiệp là 8,5%/năm; của ngân hàng công thương là 9%/năm; của ngân hàng ngoại thương là 6,5%/năm.

Lãi suất chậm trả trung bình của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử là 8%/năm. Lãi suất quá hạn chậm trả trung bình của 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử là $8\% \times 150\% = 12\%/năm$; $1\%/tháng$; $0,033\%/ngày$

$885.630.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng} \times 1\%/tháng = 35.425.200 \text{ đồng}$

$885.630.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ ngày} \times 0,033\%/ngày = 4.676.126 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi chậm trả $237.101.592 \text{ đồng} + 3.691.142 \text{ đồng} + 35.425.200 \text{ đồng} + 4.676.126 \text{ đồng} = 280.894.060 \text{ đồng}$.

Tổng tiền gốc và lãi $885.630.000 + 280.894.060 \text{ đồng} = 1.166.524.060 \text{ đồng}$

Số tiền công ty TNHH thiết bị hàng hải M khởi kiện không được chấp nhận: $1.196.279.350 - 1.166.524.060 \text{ đồng} = 29.755.290 \text{ đồng}$

Về án phí: Công ty cổ phần công nghệ J phải nộp án phí KDTM sơ thẩm là $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 366.524.060 \text{ đồng} = 46.995.000 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền công ty TNHH thiết bị hàng hải M không được chấp nhận, công ty TNHH thiết bị hàng hải M phải nộp 3.000.000. đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điều 34, điều 37, khoản 3 điều 297, điều 300, 301, 302, 306, 307 Luật thương mại.

- Điều 280, 418 Bộ luật dân sự

- Căn cứ điều 5, điều 26, điều 30, khoản 1 Điều 35; điều 39, điều 147, điều 171, điều 184, điều 227, điều 244, điều 228, điều 244, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 11 nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Xử

1. Chấp nhận 01 phần đơn khởi kiện của công ty TNHH thiết bị hàng hải M. Buộc công ty cổ phần công nghệ J trả công ty TNHH thiết bị hàng hải M số tiền gốc là 885.630.000 đồng. Nợ lãi chậm trả tính đến ngày 28.5.2021 là 280.894.060 đồng, tổng **1.166.524.060 (Một tỷ, một trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi tư nghìn, không trăm sáu mươi) đồng.**

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của của công ty TNHH thiết bị hàng hải M khởi kiện về số tiền lãi phạt trên số nợ gốc đối với công ty cổ phần công nghệ J.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, công ty cổ phần công nghệ J còn phải còn phải chịu số tiền lãi chậm trả trên số tiền gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, Agribank trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong đối với công ty TNHH thiết bị hàng hải M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Công ty cổ phần công nghệ J phải nộp 46.995.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH thiết bị hàng hải M phải nộp 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Số tiền 25.900.000 đồng Công ty TNHH thiết bị hàng hải M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1117928 ngày 13.10.2020 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm được đối trừ. Công ty TNHH thiết bị hàng hải M được hoàn lại 22.900.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm. Công ty TNHH thiết bị hàng hải M có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần công nghệ J vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND quận Hoàn Kiếm + HN
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm.
- Tòa án NDTP Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM
Thẩm phán

Đinh Thị Thu Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hường

Đề xuất:

- Căn cứ các điều 463,465,466,468, 325 bộ luật dân sự.
- Căn cứ điều 5, điều 26, khoản 1 Điều 35; điều 171, điều 184, điều 227, điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 2 điều 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 1 thanh tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.
- Khoản 2 điều 11 của quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của thống đốc ngân hàng nhà nước được sửa đổi bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005.
- Điều 12 nghị định 83/2010NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Chính Phủ.
- Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam đối với Công ty cổ phần giao thông Bảo Minh về tranh chấp Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9311941/HĐTD ngày 27/12/2018 và Hợp đồng tín dụng số 04/01/2018/9311941/HĐTD ngày 13/5/2019 để vay số tiền: 8.800.000.000 đồng.

2. Buộc Công ty cổ phần giao thông Bảo Minh phải trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam tổng tiền nợ tính đến ngày 05/02/2021 là: đồng. Trong đó nợ gốc: 8.800.000.000 đồng; lãi trong hạn: đồng; lãi quá hạn đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu công ty cổ phần giao thông Bảo Minh không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 545190 do Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/08/2015; Sổ vào sổ cấp GCN: CS 21322 mang tên anh Nguyễn Văn Quân và bà Tô Khánh Huyền theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5429.2017, quyển số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/11/2017 ký giữa bên thế chấp là anh Nguyễn Văn Quân và bà Tô Khánh Huyền, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Chương Dương được Công chứng viên văn phòng công chứng Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội công chứng, chứng thực, đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chứng nhận việc thế chấp tài sản nêu trên ngày 21/11/2017.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản nêu trên, những người sinh sống, cư trú trên toàn bộ diện tích nhà, đất đã thế chấp phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đảm bảo cho Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành án theo quy định pháp luật.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp mà không đủ thanh toán hết khoản nợ thì công ty cổ phần giao thông Bảo Minh vẫn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Kể từ sau ngày 05/02/2021 công ty cổ phần giao thông Bảo Minh phải tiếp tục trả lãi đối với khoản nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký.

3. Án phí: công ty cổ phần giao thông Bảo Minh phải nộp..... đồng án phí sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Chương Dương số tiền 58.628.515 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00017783 ngày 10/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hường

